

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QS NGỌC VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QS NGỌC VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QS NGOC VIET TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QS NGOC VIET.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108712323

3. Ngày thành lập: 03/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4, ngõ 237 Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ uống	4633
2.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium);	4662
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
4.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, bình ga, than, củi sử dụng làm nhiên liệu dùng để đun nấu trong gia đình;	4773
5.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661(Chính)
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: khí công nghiệp.	4669
7.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
8.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
9.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu.	4730
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên Chi tiết: Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	0910
11.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
12.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
14.	Trồng cây hàng năm khác	0119

15.	Trồng cây ăn quả	0121
16.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
17.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
18.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
19.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
20.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
21.	Chăn nuôi gia cầm	0146
22.	Chăn nuôi khác	0149
23.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
25.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
26.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
27.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
28.	Khai thác thủy sản biển	0311
29.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
30.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
31.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
32.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
33.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
36.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
37.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
38.	Sản xuất đường	1072
39.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
40.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
41.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
42.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
43.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
44.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
45.	Sản xuất rượu vang	1102
46.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
47.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
48.	Sản xuất sợi	1311
49.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
50.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
51.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
52.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
53.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

54.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
55.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
56.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
58.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
59.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
60.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
61.	In ấn	1811
62.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
63.	Sao chép bản ghi các loại	1820
64.	Sản xuất than cốc	1910
65.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
66.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
67.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
68.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
69.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
70.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
71.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
72.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
73.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
74.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
75.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
76.	Thu gom rác thải độc hại	3812
77.	Phá dỡ	4311
78.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
79.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
80.	Bán buôn thực phẩm	4632
81.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
82.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
83.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
84.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
85.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
86.	Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm bốc xếp, vận chuyển tại cảng hàng không)	5224
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
89.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
90.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
91.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia, quầy bar; dịch vụ đồ uống khác	5630
92.	Cho thuê xe có động cơ	7710
93.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
94.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
95.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
96.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
97.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
98.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
99.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
101.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
102.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
103.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
104.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
105.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
106.	Xây dựng nhà để ở	4101
107.	Xây dựng nhà không để ở	4102
108.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
109.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
110.	Xây dựng công trình điện	4221
111.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
112.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
113.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
114.	Xây dựng công trình thủy	4291
115.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
116.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
117.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
118.	Đại lý du lịch	7911
119.	Điều hành tua du lịch	7912
120.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
121.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

122.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hàng gồm, sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ	4789
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ÁNH NGỌC	17 Nguyễn Thái Học, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	001189013657	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		
2	TRẦN NGỌC SÁU	17 Nguyễn Thái Học, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	15,000	001056000165	
			Tổng số	30.000	300.000.000	15,000		
3	ĐINH TRỌNG HÒA	Số 17 Nguyễn Thái Học, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	130.000	1.300.000.000	65,000	013648524	
			Tổng số	130.000	1.300.000.000	65,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH TRỌNG HÒA

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/12/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013648524*

Ngày cấp: *06/08/2013*

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 17 Nguyễn Thái Học, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 17 Nguyễn Thái Học, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội